TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TY, TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2024/HNGĐ-ST
Ngày 06-9-2024
"V/v: Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TY- TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Phú Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền

2. Ông Hoàng Trọng Giáp

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Hằng – Thư ký Toà án nhân dân huyện TY, tỉnh Yên Bái.

Ngày 06 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TY, tỉnh Yên Bái, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 163/2024/TLST - HNGĐ ngày 23-7-2024 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 21-8-2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phan Minh B, sinh năm 1942 – vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 6, xã M, huyện TY, tỉnh Yên Bái.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1961 – vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn H, xã N, huyện TY, tỉnh Yên Bái.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22-7-2024 và bản tự khai, nguyên đơn ông Phan Minh B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông đăng ký kết hôn với bà Nguyễn Thị T tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện TY, tỉnh Yên Bái vào ngày 05-02-2015 Sau khi kết hôn vợ chồng ông bà không chung sống cùng nhau, ông Bạo sinh sống tại thôn 6, xã M, huyện TY, tỉnh Yên Bái, còn bà Tâm sinh sống tại Thôn H, xã N, huyện TY, tỉnh Yên Bái. Tình cảm vợ chồng hòa thuận đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do từ khi kết hôn đến nay ông đã nhiều lần

yêu cầu bà Tâm về nhà ông để chung sống cùng nhau nhưng bà Tâm không đồng ý. Bản thân ông đã già yếu, sức khỏe kém cần có người quan tâm, chăm sóc, bầu bạn nên ông và gia đình đã nhiều lần động viên bà Tâm lên chung sống nhưng bà Tâm vẫn kiên quyết không lên, từ đó vợ chồng không còn tiếng nói chung, không còn quan tâm đến nhau nữa. Đến nay ông xét thấy tình cảm vợ chồng giữa ông và bà Nguyễn Thị T không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị T.

Về con chung, về chia tài sản và nợ chung: Ông xác định vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 08-8-2024, bà Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà đăng ký kết hôn với ông Phan Minh B tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện TY, tỉnh Yên Bái vào ngày 05-02-2015 (Giấy đăng ký số: 05 ngày 05-02-2015). Sau khi kết hôn, ông bà không chung sống cùng nhau như ông Bạo trình bày là đúng. Do sống riêng nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông Bạo nhiều lần yêu cầu bà về ở cùng ông tại thôn 6, xã M, huyện TY. Tuy nhiên, bản thân bà không thể về chung sống cùng ông Bạo được do còn phải chăm sóc con trai, khi nào con trai lấy vợ thì bà mới về chung sống cùng ông Bạo được, ông Bạo không đồng ý nên vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn. Đến nay, ông Bạo làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với bà, bà đồng ý.

Về con chung, về chia tài sản và nợ chung: Bà xác định vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện TY đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật và tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ. Tuy nhiên bị đơn bà Nguyễn Thị T có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

[1.1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án*: Bị đơn bà Nguyễn Thị T có hộ khẩu thường trú tại Thôn H, xã N, huyện TY, tỉnh Yên Bái. Căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện TY, tỉnh Yên Bái.

[1.2] *Về sự vắng mặt của đương sự*: Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 và Điều

238 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Phan Minh B và bà Nguyễn Thị T có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại Uỷ ban nhân dân xã N, huyện TY, tỉnh Yên Bái vào ngày 05-02-2015 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Sau khi kết hôn, vợ chồng ông bà không chung sống cùng nhau, ông Bạo sinh sống tại thôn 6, xã M, huyện TY, tỉnh Yên Bái, còn bà Tâm sinh sống ở Thôn H, xã N, huyện TY, tỉnh Yên Bái. Theo ông Bạo, vợ chồng chung sống đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do kể từ khi kết hôn vợ chồng ông bà không chung sống cùng nhau, ông đã nhiều lần yêu cầu bà Tâm về nhà ông để chung sống, nhưng bà Tâm không đồng ý, từ đó vợ chồng không còn tiếng nói chung, không còn quan tâm đến nhau nữa. Ông Phan Minh B đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn, bà Nguyễn Thị T cũng nhất trí ly hôn

Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa ông Bạo và bà Tâm đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung thực tế không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, có căn cứ cho ông Phan Minh B được ly hôn bà Nguyễn Thị T theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung, về chia tài sản và nợ chung*: Ông Phan Minh B và bà Nguyễn Thị T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] *Về án phí*: Ông Phan Minh B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Phan Minh B được ly hôn bà Nguyễn Thị T.

2. Về án phí: Ông Phan Minh B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) ông đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2024/0000508 ngày 23-7-2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TY, tỉnh Yên Bái. Ông Phan Minh B đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện TY;
- Chi cục THADS huyện TY;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, TA, HSVA.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Phú Duy